

Số: 142 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 10 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 4285/X03-P2 ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Văn bản số 6400/X03-P2 ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Cục Công tác Đảng và Công tác chính trị - Bộ Công an về việc chỉnh sửa nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư “Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân và Câu lạc bộ Bóng đá Công an nhân dân Phía Nam (giai đoạn 1)” tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 541/TTr-STNMT ngày 23 tháng 9 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Cục Công tác Đảng và Công tác chính trị - Bộ Công an được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân và Câu lạc bộ Bóng đá Công an nhân dân Phía Nam (giai đoạn 1)” tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân và Câu lạc bộ Bóng đá Công an nhân dân Phía Nam (giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 7887/QĐ-BCA-H01 ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân và Câu lạc bộ Bóng đá Công an nhân dân Phía Nam (giai đoạn 1).

1.4. Mã số thuế: Không có.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất dự án 312.914,0 m<sup>2</sup> (giai đoạn 1 thực hiện với diện tích 44.336,52 m<sup>2</sup> gồm các hạng mục: Nhà điều hành; khu ăn ở vận động viên bóng đá và cho khách; Khu thể dục thể thao ngoài trời (02 sân bóng đá mini và 02 sân bóng đá tiêu chuẩn quốc tế); hạ tầng kỹ thuật và bãi đỗ xe.

- Quy mô, công suất: Dự án thực hiện giai đoạn 1 có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) thực hiện các mục tiêu quản lý, điều hành và điều kiện luyện tập, thi đấu 23 môn thể thao thuộc Trung tâm thể thao Công an nhân dân.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cục Công tác Đảng và Công tác chính trị - Bộ Công an:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cục Công tác Đảng và Công tác chính trị - Bộ Công an có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 10 tháng 10 năm 2023 đến ngày 10 tháng 10 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Cục Công tác Đảng và Công tác chính trị - Bộ Công an;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Phi**



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các cụm nhà vệ sinh và khu vực nhà ăn.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ Bình Sơn theo quy hoạch.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực dẫn ra hồ Bình Sơn theo quy hoạch.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X = 1196565$ ;  $Y = 422926$  theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ .

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $75 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A,  $K = 1,0$ , cụ thể như sau:

| Stt | Thông số                       | Đơn vị | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ                        |
|-----|--------------------------------|--------|---------------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | pH                             | -      | 5 - 9                     | Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ |
| 2   | BOD <sub>5</sub> (20°C)        | mg/l   | 30                        |                                                   |
| 3   | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)    | mg/l   | 50                        |                                                   |
| 4   | Tổng chất rắn hòa tan          | mg/l   | 500                       |                                                   |
| 5   | Sunfua                         | mg/l   | 1                         |                                                   |
| 6   | Amoni                          | mg/l   | 5                         |                                                   |
| 7   | Nitrat                         | mg/l   | 30                        |                                                   |
| 8   | Dầu mỡ động, thực vật          | mg/l   | 10                        |                                                   |
| 9   | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l   | 5                         |                                                   |

|    |                |           |       |  |
|----|----------------|-----------|-------|--|
| 10 | Phosphat       | mg/l      | 6     |  |
| 11 | Tổng Coliforms | MPN/100ml | 3.000 |  |

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Hệ thống thu gom thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom thoát nước mưa.

- Nước thải từ các khu vực nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (10 bể tự hoại, 20 m<sup>3</sup>/bể); nước thải từ khu vực nhà ăn xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ và sau đó nước thải được thu gom bằng ống HDPE D300, dài 1.362 m dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (Module 1) công suất thiết kế 75 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1,0. Nước thải sau xử lý sẽ dẫn bằng tuyến ống HDPE D300 thoát ra hệ thống thoát nước khu vực theo quy hoạch và dẫn ra nguồn tiếp nhận là hồ Bình Sơn (theo Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao thể thao Công an nhân dân và Câu lạc bộ Bóng đá Công an nhân dân Phía Nam).

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR-A → Bể MBBR-B → Bể lắng → Bể trung gian → Cột lọc áp lực (Chlorine khử trùng) → hồ Bình Sơn.

- Công suất thiết kế: 75 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (module 1).

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Chlorine (384 kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận hành; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất Module 1 là 75 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực dẫn ra nguồn tiếp nhận hồ Bình Sơn theo quy hoạch.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình nước thải phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của hạng mục công trình thuộc dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và lưu ý chỉ được thực hiện xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo quy hoạch khi địa phương hoàn thành dự án Hồ Bình Sơn và tuyến thoát nước từ ranh dự án đến Hồ Bình Sơn và báo cáo về Sở Tài nguyên Môi trường trước khi thực hiện xả nước thải; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý, các bể xử lý nước thải; trường hợp gặp sự cố Chủ dự án báo cáo ngay cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và thực hiện các biện pháp khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.



## Phụ lục 2

# **YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định.

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI**

1. Khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 630 kVA, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không có hệ thống xử lý khí thải do đó Chủ dự án phải cam kết sử dụng nhiên liệu dầu DO phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng hàng hóa, sản phẩm.

2. Mùi từ khu vực nấu ăn (không hoạt động liên tục) thực hiện đầy đủ các biện pháp theo cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

4. Thường xuyên kiểm tra theo dõi tăng cường các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.

5. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án, tránh phát sinh mùi từ các bể xử lý sinh học; thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp phát sinh mùi ảnh hưởng tới hoạt động của dự án và khu dân cư xung quanh.

6. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải (mùi) không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.



### Phụ lục 3

## **BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

#### **1. Tiếng ồn**

##### **1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Khu vực tập luyện thể thao.
- Nguồn số 03: Khu vực máy phát điện.

##### **1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn số 01 có tọa độ:  $X = 1196561$ ;  $Y = 422923$  theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ .
- Nguồn số 02 có tọa độ:  $X = 1196793$ ;  $Y = 422847$  theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ .
- Nguồn số 03 có tọa độ:  $X = 1196558$ ;  $Y = 422915$  theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ .

1.3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

| TT | Từ 6 giờ đến 21 giờ<br>(dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ<br>(dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ                        | Ghi chú              |
|----|------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| 1  | 70                           | 55                           | Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ | Khu vực thông thường |

#### **2. Độ rung:**

##### **2.1. Nguồn phát sinh độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện.

##### **2.2. Vị trí phát sinh độ rung:**

- Nguồn số 01 có tọa độ:  $X = 1196561$ ;  $Y = 422923$  theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ .
- Nguồn số 02 có tọa độ:  $X = 1196558$ ;  $Y = 422915$  theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ .

2.3. Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

| TT | Từ 6 giờ đến 21 giờ<br>(dB) | Từ 21 giờ đến 6 giờ<br>(dB) | Tần suất quan trắc định kỳ                        | Ghi chú              |
|----|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| 1  | 70                          | 60                          | Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ | Khu vực thông thường |

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn, độ rung trong khu vực dự án.
- Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát tán ra khu vực xung quanh.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn không làm ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ  
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

| Stt              | Tên CTNH                                                                                                                                                   | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (Kg/năm) | Mã CTNH  | Ký hiệu phân loại |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|----------|-------------------|
| 1                | Bóng đèn huỳnh quang thải                                                                                                                                  | Rắn                | 15,6                | 16 01 06 | NH                |
| 2                | Bao bì kim loại cứng chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chưa áp suất cao chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại (bình xịt côn trùng) | Rắn                | 10,8                | 18 01 02 | NH                |
| 3                | Pin, ắc quy thải                                                                                                                                           | Rắn                | 25,2                | 16 01 12 | NH                |
| 4                | Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải                                                                                                              | Rắn                | 19,2                | 16 01 13 | NH                |
| 5                | Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại                                                                                                                          | Rắn                | 16,8                | 18 02 01 | KS                |
| 6                | Dầu nhớt thải                                                                                                                                              | Lỏng               | 20,4                | 17 02 03 | NH                |
| 7                | Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)                                                                                                        | Rắn/Lỏng           | 36                  | 13 01 01 | NH                |
| 8                | Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (nhiệt kế)                                                                                          | Rắn                | 18                  | 13 03 02 | NH                |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                            |                    | <b>162</b>          | -        | -                 |

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

| Stt              | Chất thải rắn thông thường                                                                                                 | Khối lượng (kg/năm) | Mã chất thải | Ký hiệu phân loại |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------|-------------------|
| 1                | Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (vỏ hộp thuốc,...)                                  | 120                 | 13 01 05     | TT                |
| 2                | Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải | 24                  | 08 02 08     | TT                |
| 3                | Nhóm giấy phế liệu (thùng carton, giấy,...)                                                                                | 240                 | 18 01 05     | TT-R              |
| 4                | Bùn bể tự hoại; Bùn từ hệ thống xử lý nước thải không chứa thành phần nguy hại                                             | 148.344             | 12 06 13     | TT                |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                            | <b>148.728</b>      |              |                   |

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

| Stt | Chất thải rắn sinh hoạt | Khối lượng (kg/năm) |
|-----|-------------------------|---------------------|
| 1   | Chất thải rắn sinh hoạt | 109.500             |
|     | <b>Tổng cộng</b>        | <b>109.500</b>      |

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng.

2.1.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 10 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 15 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng nhựa có nắp đậy đảm bảo đủ lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt tại các vị trí trong khuôn viên và thực hiện phân loại triệt để chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn.

2.3.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 25 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thiết kế, bố trí đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải, kiểm soát và tăng cường các biện pháp hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu giữ.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định; Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù

hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn cán bộ, chiến sỹ thực hiện phân loại triệt để toàn bộ chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định.



## Phụ lục 5

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:** Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận và lưu ý chỉ được thực hiện xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo quy hoạch khi địa phương hoàn thành dự án Hồ Bình Sơn và tuyến thoát nước từ ranh dự án đến Hồ Bình Sơn và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi thực hiện xả nước thải; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của dự án.

4. Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh; trường hợp phát sinh đất dôi dư trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án thực hiện việc đổ thải các loại đất dôi dư phát sinh vào đúng vị trí đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho phép bằng văn bản và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật

bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và đổ thải.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

9. Thực hiện các công trình/biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

10. Dự án chỉ được triển khai sau khi hoàn thành các thủ tục về đất đai, xây dựng và các quy định khác có liên quan.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.